

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thanh Oai

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND Thành phố thông qua danh mục các dự án thu hồi đất; dự án chuyển mục đích đất trồng lúa năm 2024 trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của HĐND Thành phố thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất năm 2024; điều chỉnh giảm danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2024 trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2665 /TTr-STNMT-QHKHSDĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thanh Oai đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 23/01/2024 như sau:

- Đưa ra khỏi Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thanh Oai: 0 dự án.
- Điều chỉnh, bổ sung danh mục Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thanh Oai là: 04 dự án, với diện tích 4,03 ha. (Danh mục kèm theo).

3. Điều chỉnh diện tích các loại đất phân bổ trong năm 2024, cụ thể:

a. Điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích điều chỉnh (ha)	Cơ cấu (%)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		12.447,34	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	7.921,32	63,64
1.1	Đất trồng lúa	LUA	5.750,51	72,60
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>5.537,27</i>	<i>96,29</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	191,32	2,42
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.037,51	13,10
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	627,66	7,92
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	314,33	3,97
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.456,66	35,80
2.1	Đất quốc phòng	CQP	23,39	0,52
2.2	Đất an ninh	CAN	54,83	1,23
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	213,17	4,78
2.5	Đất thương mại dịch vụ	TMD	37,85	0,85
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	51,73	1,16
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	-
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	19,31	0,43
2.9	Đất phát triển hạ tầng. Trong đó:	DHT	2.443,53	54,83
-	Đất giao thông	DGT	1.421,91	58,19
-	Đất thủy lợi	DTL	609,11	24,93
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	21,96	0,90
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	9,16	0,37
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	113,93	4,66
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	29,36	1,20
-	Đất công trình năng lượng	DNL	3,60	0,15
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	0,65	0,03
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	18,07	0,74
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	4,52	0,18
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	44,91	1,84
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	161,75	6,62
-	Đất chợ	DCH	4,60	0,19
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,06	0,00
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	18,70	0,42
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.085,06	24,35
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	149,29	3,35
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,80	0,42
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,42	0,03
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích điều chỉnh (ha)	Cơ cấu (%)
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	33,95	0,76
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	171,53	3,85
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	129,54	2,91
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	4,50	0,10
3	Đất chưa sử dụng	CSD	69,36	0,56

b. Điều chỉnh kế hoạch thu hồi các loại đất năm 2024:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích điều chỉnh (ha)
1	Đất nông nghiệp	NNP	365,53
1.1	Đất trồng lúa	LUA	314,94
	<i>Tr. đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>314,74</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	30,85
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	13,91
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	5,82
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	100,70
2.1	Đất phát triển hạ tầng	DHT	96,94
2.2	Đất ở tại nông thôn	ONT	2,95
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,55
2.4	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,01
2.5	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,25

c. Điều chỉnh Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích điều chỉnh (ha)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	374,62
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	327,87
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>327,67</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	25,25
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	14,81
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	6,69
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	1,25

d. Điều chỉnh diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng năm 2024:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích điều chỉnh (ha)
1	Đất nông nghiệp	NNP	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	0,02
2.1	Đất phát triển hạ tầng	DHT	0,02

4. Điều chỉnh số dự án và diện tích ghi tại điểm d Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 23/01/2024 của UBND Thành phố thành: 143 dự án, diện tích: 637,56 ha.

5. Các nội dung khác ghi tại Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 23/01/2024 của UBND Thành phố vẫn giữ nguyên hiệu lực.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở, ban, ngành của Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thanh Oai và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT Thành ủy;
- TT HĐND TP;
- UB MTTQ TP;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- VPUB: PCVP, P.ĐT;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Đông

TT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích (ha)	Trong đó diện tích đất thu hồi (ha)	Vị trí		Căn cứ pháp lý của dự án	Ghi chú
						Địa danh (huyện)	Địa danh (xã)		
2	Xây dựng HTKT khu tái định cư đối với các hộ gia đình thuộc diện GPMB đường Vành đai 4 - Vùng thủ đô Hà Nội của quận Hà Đông	ONT	UBND huyện Thanh Oai	1,31		Thanh Oai	Tam Hưng	- Quyết định số 1012/QĐ-UBND ngày 16/02/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án thành phần; - Văn bản số 1360/UBND-QLĐT ngày 30/6/2023 của UBND huyện Thanh Oai về việc Chấp thuận bản vẽ tổng mặt bằng và phương án kiến trúc sơ bộ; - Quyết định số 6690/QĐ-UBND ngày 15/8/2023 của UBND huyện Thanh Oai về việc phê duyệt dự án.	Đã thu hồi, GPMB
3	Bố trí, giao đất cho ông Nguyễn Hữu Quỳnh	ONT	Hộ gia đình cá nhân	0,02		Thanh Oai	Tân Ước	Thông báo số 153/TB/BNCTU/th ngày 19/01/2024 của Ban Nội chính Thành ủy Hà Nội thông báo kết luận chỉ đạo của đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy, Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố Hà Nội tại buổi tiếp công dân ông Nguyễn Hữu Quỳnh, thường trú thôn Tri Lễ, xã Tân Ước, huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội.	
4	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn, ao liền trong cùng thửa đất ở đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong khu dân cư sang đất ở	ONT	Hộ gia đình cá nhân	0,008		Thanh Oai	Kim Thư	- Đơn đăng ký của hộ gia đình, cá nhân; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (photo)	
TỔNG SỐ				4,03	2,70				